

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENTAL TECHNICAL CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109704847

**3. Ngày thành lập:** 13/07/2021

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 35, Tổ 3, Ngõ Láng Trung, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936420746

Fax:

Email: [quanghungpl@gmail.com](mailto:quanghungpl@gmail.com)

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Mã ngành</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn, kiểm định, thiết bị vật tư khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực: đo đạc và bản đồ, thông tin địa lý, viễn thám, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, khí tượng, thủy văn, phòng tránh cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu, công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu và các loại máy móc khác<br>(trừ các loại Nhà nước cấm) | 4659            |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 2. | <p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển</li> <li>- Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Động cơ,</li> <li>+ Dụng cụ máy,</li> <li>+ Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu,</li> <li>+ Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn,</li> <li>+ Thiết bị sản xuất điện ảnh,</li> <li>+ Thiết bị đo lường và điều khiển,</li> </ul> </li> <li>- Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không kèm người điều khiển: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mô tô, xe lưu động, cắm trại...,</li> <li>+ Động cơ tàu hỏa;</li> </ul> </li> <li>- Cho thuê container;</li> <li>- Cho thuê palet;</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu: Cho thuê thiết bị vật tư khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực: đo đạc và bản đồ, thông tin địa lý, viễn thám, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, khí tượng, thủy văn, phòng tránh cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu, công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu và các loại máy móc khác (trừ các loại Nhà nước cấm)</li> </ul> | 7730 |
| 3. | <p>Sản xuất máy chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng</li> <li>- Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị vật tư khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực: đo đạc và bản đồ, thông tin địa lý, viễn thám, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, khí tượng, thủy văn, phòng tránh cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu, công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu và các loại máy móc khác (trừ các loại Nhà nước cấm)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2829 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình:</li> <li>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>+ Uôn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |
| 5. | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết: Xây dựng, thi công, các công trình thuộc lĩnh vực đo đạc và bản đồ, thông tin địa lý, viễn thám, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, khí tượng, thủy văn, phòng tránh cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu, công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu và các lĩnh vực khác bao gồm các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, xử lý nước thải, rác thải, hạ tầng kỹ thuật khác.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4299 |
| 6. | <p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p>(Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7020 |
| 7. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;</li> <li>- Thiết kế cơ - điện công trình;</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.</li> <li>- Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình.</li> <li>- Lập quy hoạch xây dựng.</li> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7110 |

dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Giám sát thi công xây dựng công trình.
- Kiểm định xây dựng.
- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Tư vấn đấu thầu.
- Hoạt động đo đạc và bản đồ:
  - + Khảo sát, lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ.
  - + Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.
  - + Xây dựng lưới trọng lực, thiên văn, tọa độ, độ cao.
  - + Chụp ảnh, quét địa hình từ máy bay.
  - + Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình.
  - + Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình đáy biển.
  - + Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính.
  - + Thành lập bản đồ hành chính.
  - + Đo vẽ, thành lập bản đồ địa giới hành chính.
  - + Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ.
  - + Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý.
  - + Thành lập bản đồ chuyên đề; át-lát địa lý.
  - + Khảo sát địa hình; đo đạc công trình.
  - + Kiểm định các thiết bị đo đạc.
  - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước
  - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Tư vấn thiết kế quy hoạch, kiến trúc các công trình thuộc lĩnh vực đo đạc và bản đồ, thông tin địa lý, viễn thám, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, khí tượng, thủy văn, phòng tránh cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu, công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, các lĩnh vực khác bao gồm công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi và các công trình tài nguyên và môi trường khác. Tư vấn xây dựng đề cương, tư vấn xây dựng dự toán, tư vấn xây dựng lập dự án đầu tư, tư vấn giám sát, tư vấn thẩm tra, tư vấn kiểm tra nghiệm thu, tư vấn quản lý các dự án, nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực đo đạc và bản đồ, thông tin địa lý, viễn thám, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, khí tượng, thủy văn, phòng tránh cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu, công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu và các lĩnh vực khác bao gồm công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; Hoạt động tư vấn quản lý khác thuộc các lĩnh vực: điều tra cơ bản tài nguyên môi trường, quy hoạch và kế hoạch bảo vệ môi trường.

8. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu  
Hoạt động Khí tượng thủy văn

7490(Chính)

Chi tiết:

- Quan trắc khí tượng thủy văn; Điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn
- Cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; Xây dựng, quản lý, khai thác trạm giám sát biến đổi khí hậu và cơ sở dữ liệu về giám sát biến đổi khí hậu
- Đánh giá khí hậu
- Cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu, tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo yêu cầu; Xây dựng, cung cấp các sản phẩm thông tin, truyền thông về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu; Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu; Xây dựng, lắp đặt, hướng dẫn khai thác công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn; Xây dựng, cung cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật về dự báo, cảnh báo, truyền tin khí tượng thủy văn; Kiểm định, hiệu chuẩn, lắp đặt, sửa chữa phương tiện đo khí tượng thủy văn; Hoạt động tư vấn về khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu; Các hoạt động khác liên quan đến khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu:

Chi tiết:

- Đánh giá tác động do biến đổi khí hậu; Triển khai hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai
- Tổ chức thực hiện hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và hấp thụ khí nhà kính; Kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, lĩnh vực và cấp cơ sở có liên quan
- Phát triển và ứng dụng công nghệ, thiết bị sử dụng các chất không làm suy giảm tầng ô-dôn, chất thân thiện khí hậu
- Thông kê, đánh giá, xử lý nước thải xả vào môi trường nước mặt; Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt
- Thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; Quan trắc, phân tích môi trường, đánh giá tác động môi trường; Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện môi trường, công nghệ môi trường; công nghệ tiết kiệm năng lượng, sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ; Giám định thiệt hại về môi trường, đa dạng sinh học; giám định các chất ô nhiễm có tác động trực tiếp đến sức khỏe con người; Các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường
- Điều tra, đánh giá tài nguyên nước; Xây dựng hệ thống mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước; Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra; Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|     | - Lập và điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa nước<br>Thực hiện các hoạt động tư vấn, chuyên môn, khoa học và công nghệ, chuyển giao và phát triển thực nghiệm khoa học khác liên quan đến các lĩnh vực ngành tài nguyên và môi trường, công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu...<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm) |      |
| 9.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                   | 7211 |
| 10. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                      | 7212 |
| 11. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                                                                                    | 7213 |
| 12. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                | 7214 |
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                                                                                                                                     | 7221 |
| 14. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                                                                                                                                   | 7222 |
| 15. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                             | 5820 |
| 16. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Sản xuất phim video<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                      | 5911 |
| 17. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5912 |
| 18. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ phát hành chương trình truyền hình)                                                                                                                                                                                          | 5913 |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410 |
| 20. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6201 |
| 21. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                            | 6202 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                                                                                               | 6209 |
| 23. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                         | 4741 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                      | 4742 |
| 25. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4911 |
| 26. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4912 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933 |
| 28. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5021 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.<br>- Dịch vụ logistic<br>(Trừ hoạt động vận tải hàng không) | 5229 |
| 30. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5022 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐỖ QUANG<br>CỪ      | Số 35, Tổ 3, Ngõ<br>Láng Trung,<br>Phường Láng Hạ,<br>Quận Đống Đa,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500           | 5.000.000                | 5,000        | 0350480010<br>55                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                      | Tổng số                            | 500           | 5.000.000                | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>QUỲNH | Số 35, Tổ 3, Ngõ<br>Láng Trung,<br>Phường Láng Hạ,<br>Quận Đống Đa,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500           | 5.000.000                | 5,000        | 0351530013<br>48                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                      | Tổng số                            | 500           | 5.000.000                | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                       |                           |       |            |        |              |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN THỊ QUYÊN | Số 35, Tổ 3, Ngõ Láng Trung, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 9.000 | 90.000.000 | 90,000 | 031189011030 |
|   |                |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                       | Tổng số                   | 9.000 | 90.000.000 | 90,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ QUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031189011030

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 35, Tổ 3, Ngõ Láng Trung, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 35, Tổ 3, Ngõ Láng Trung, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội